

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NL  
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 18 - 3 - 2021  
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NL TỈNH THANH HOÁ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Nguyễn Thanh Tân

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Lê Văn Dũng

Bà Lưu Thị Sen

**- Thư ký phiên toà:** Ông Lê Văn Thịnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện NL, tỉnh Thanh Hoá.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện NL, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà:** Bà Hoàng Thị Lanh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện NL, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 257/2020/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2020 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên toà số 08/2021/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Phạm Quốc T; sinh năm: 1974; nơi cư trú: Thôn XM, xã NT, huyện NL, tỉnh Thanh Hoá.

- *Bị đơn:* Chị Bùi Thị O; sinh năm: 1984; nơi cư trú cuối cùng: Thôn XM, xã NT, huyện NL, tỉnh Thanh Hoá.

Tại phiên toà vắng mặt anh T, chị O. Anh T đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị O vắng mặt không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện ngày 24/11/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Phạm Quốc T trình bày: Anh và chị Bùi Thị O kết hôn tự nguyện, đăng ký ngày 02/4/2003 tại Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã NT, huyện NL, tỉnh Thanh Hoá. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống tại thôn XM, xã NT, huyện NL, tỉnh Thanh Hoá. Sau ngày cưới, cuộc sống vợ chồng hoà

thuận được 12 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cãi vã. Ngoài ra, chị **O** có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác. Anh đã khuyên giải nhiều lần nhưng vẫn không được. Đến tháng 05/2017, chị **O** đã bỏ nhà đi đến nay không có tin tức gì. Anh đã làm đơn yêu cầu Toà án tuyên bố chị **O** mất tích, ngày 05/11/2020, Toà án nhân dân huyện **NL**, tỉnh Thanh Hoá đã ban hành Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 08/2020/QĐST-DS tuyên bố chị Bùi Thị **O** mất tích. Nên anh yêu cầu Toà án giải quyết cho anh được ly hôn chị **O**.

Về con cái: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Phạm Thị Mỹ Linh, sinh ngày 08/5/2002 và cháu Phạm Huyền Trang, sinh ngày 14/12/2014. Hiện cháu Linh đã trưởng thành, anh không yêu cầu Toà án giải quyết. Cháu Trang đang ở với anh. Nếu ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trang, không yêu cầu chị **O** phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Anh **T** không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã triệu tập hợp lệ chị Bùi Thị **O** để làm bản tự khai, trình bày ý kiến về những nội dung yêu cầu khởi kiện của anh **T** nhưng chị **O** không có mặt nên không có lời khai của chị **O** và các bên không thống nhất được các vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS); anh **T** đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật, chị **O** không thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Xử cho anh Phạm Quốc **T** được ly hôn chị Bùi Thị **O**. Giao cháu Phạm Huyền Trang, sinh ngày 14/12/2014 cho anh **T** trực tiếp nuôi dưỡng, chị **O** không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng:

Toà án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự nhưng chị Bùi Thị **O** không có mặt nên Toà án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho chị **O** theo quy định tại khoản 3 điều 210 BLTTDS.

Chị **O** đã được triệu tập hợp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng chị **O** đều không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 điều 207 BLTTDS.

Toà án cũng đã triệu tập hợp lệ chị **O** lần thứ hai đến Tòa án để tham gia phiên toà nhưng chị **O** vẫn không có mặt mà không có lý do nên căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228 BLTTDS Toà án xét xử vắng mặt chị **O**.

Anh Phạm Quốc **T** đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ quy định tại khoản 1 điều 227, khoản 1 điều 228 BLTTDS, Toà án xét xử vắng mặt anh **T**.

[2] Về hôn nhân: Anh Phạm Quốc **T** và chị Bùi Thị **O** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 02/4/2003 tại UBND xã **NT**, huyện **NL**, tỉnh Thanh Hoá và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm. Tháng 05/2017, chị **O** đã bỏ nhà đi đến nay không có tin tức gì. Ngày 05/11/2020, Toà án nhân dân huyện **NL**, tỉnh Thanh Hoá đã ban hành Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 08/2020/QĐST-DS tuyên bố chị Bùi Thị **O** mất tích. Nghĩ nên căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho anh **T** được ly hôn chị **O**.

[3] Về con cái: Anh **T** và chị **O** có 02 con chung. Hiện cháu Linh đã trưởng thành, anh **T** không yêu cầu nên miễn xét. Xét thấy, hiện tại cháu Trang đang ở với anh **T**, chị **O** thì đang mất tích. Để không bị xáo trộn cuộc sống và đảm bảo sự phát triển ổn định về mọi mặt cho cháu Trang, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của anh **T**, giao cháu Trang cho anh **T** trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận ý kiến của anh **T**, chị **O** không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản: Anh **T** không yêu cầu nên miễn xét.

[5] Về án phí: Anh **T** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147; 227; 228; 271; 273 BLTTDS; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Xử cho anh Phạm Quốc **T** được ly hôn chị Bùi Thị **O**.

2. Về con cái: Giao cháu Phạm Huyền Trang, sinh ngày 14/12/2014 cho anh **T** trực tiếp nuôi dưỡng, chị **O** không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị **O** có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Phạm Quốc **T** phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền anh đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện **NL**, theo biên lai số AA/2019/0011635 ngày 24/11/2020. Anh **T** đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt anh **T**, chị **O**. Anh **T**, chị **O** có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã **NT**;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thanh Tân**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Hội thẩm nhân dân**                      **Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

**Lê Văn Dũng**

**Lưu Thị Sen**

**Nguyễn Thanh Tân**

